**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHỢ GẠO**
**TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **64**/2017/DS-ST;
Ngày: **09-6-2017**.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Mai Thị Mỹ Trang**;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Quốc Thuần**;

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**.

*Thư ký phiên tòa*: Bà **Phan Thủy Uyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2017/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN QUỐC T**, sinh năm 1983;

Trú tại: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **TRIỆU THỊ Đ**, sinh năm 1967;

**VÕ HOÀNG P**, sinh năm 1967;

Cùng trú tại: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*(Anh T có mặt, bà Đ và ông P vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tại tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Vào ngày 07/12/2015, anh có cho bà Triệu Thị Đ vay số tiền là 5.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà Đ có viết biên nhận cho anh và thỏa thuận đến ngày 07/3/2016 sẽ trả tiền cho anh. Hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 5%/tháng. Hàng tháng, bà Đ sẽ trả tiền lãi cho anh nhưng từ khi vay cho đến nay, bà Đ không trả tiền lãi cho anh.

Đến ngày 14/12/2015, anh lại cho bà Đ vay thêm số tiền là 50.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà Đ có viết biên nhận cho anh và có thỏa thuận đến ngày 14/6/2016 sẽ trả tiền cho anh. Hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 5%/tháng. Lần này, bà Đ vay tiền nói là để làm vốn mua dưa hấu bán vào dịp tết. Toàn bộ biên nhận là do bà Đ viết, anh yêu cầu chồng bà Đ phải ký tên vào biên nhận, anh mới cho mượn tiền nên bà Đ đã đem biên nhận về nhà cho ông P ký tên. Sau đó, bà Đ đã đem cả hai biên nhận có chữ ký của ông P lại cho anh nên anh đã cho bà Đ vay thêm số tiền là 50.000.000 đồng. Nhưng từ khi vay tiền cho đến nay, bà Đ và ông P không trả tiền lãi cho anh.

Nay anh yêu cầu bà Đ và ông P trả cho anh số tiền vốn là 55.000.000 đồng. Anh yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định, thời gian tính lãi kể từ ngày bà Đ và ông P vay tiền cho đến ngày Tòa đưa vụ án ra xét xử.

* Tại bản tự khai ngày 17/3/2017 và các lời trình bày tại tòa, bị đơn bà Triệu Thị Đ trình bày:

Trước đây, vào năm 2013 bà có vay của anh T số tiền là 55.000.000 đồng. Bà đã trả lãi liên tục cho anh T theo mức lãi suất là 6%/tháng từ khi vay cho đến năm 2015. Đến ngày 07/12/2015 và ngày 14/12/2015, anh T mới yêu cầu bà viết biên nhận mới và viết tên của ông P vào biên nhận. Bà đã tự ký tên của ông P vào biên nhận nợ tại nhà ông T mà không thông báo cho ông P biết về khoản vay này. Nay anh T yêu cầu bà và ông P trả số tiền 55.000.000 đồng thì bà đồng ý trả cho anh T số tiền trên nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Tại bản tự khai ngày 20/3/2017 và các lời trình bày tại tòa, bị đơn ông Võ Hoàng P trình bày:

Ông là chồng của bà Đ. Bà Đ đi mua bán trái cây và mua bán dưa hấu, ông chỉ ở nhà làm vườn. Việc bà Đ vay tiền của anh T, ông không biết nên ông không đồng ý trả cho anh T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh T khởi kiện yêu cầu bà Đ và ông P trả cho anh số tiền 55.000.000 đồng là tiền bà Đ và ông P đã vay của anh Ttừ tháng 12 năm 2015 nên Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với bị đơn bà Triệu Thị Đ và ông Võ Hoàng P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Đ và ông P vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Đ và ông P.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày: Anh vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, anh vẫn giữ yêu cầu bà Đ và ông P trả số tiền vay còn nợ là 55.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,75%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày bà Đ và ông P vay tiền cho đến ngày Tòa đưa vụ án ra xét xử.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên nhận ngày 07/12/2015 và biên nhận ngày 14/12/2015 có chữ ký của bà Đ và ông P thể hiện việc bà Đ và ông P có vay của anh T số tiền 55.000.000 đồng. Điều này cũng được phía bà Đ thừa nhận

trong bản tự khai ngày 17/3/2017. Ngoài ra, bà Đ còn trình bày thêm rằng ông P không biết gì về việc bà vay tiền của anh T. Anh T đã yêu cầu bà viết tên của ông P vào biên nhận nên bà cũng đã tự ký tên và viết tên của ông P vào biên nhận nợ. Tại bản tự khai ngày 20/3/2017, ông P trình bày rằng: ông không biết việc bà Đ vay tiền của anh T nên ông không đồng ý trả tiền cho anh T. Ngoài ra, ông P còn trình bày thêm rằng chữ ký P trong biên nhận mà anh T cung cấp cho Tòa không phải là chữ ký của ông. Nhưng bà Đ và ông P lại không xuất trình chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tòa án nhiều lần giải thích cho bà Đ và ông P việc ông P cho rằng chữ ký trong biên nhận không phải là chữ ký của ông P thì ông phải có nghĩa vụ chứng minh cụ thể bằng việc yêu cầu giám định chữ ký P trong biên nhận ngày 07/12/2015 và biên nhận ngày 14/12/2015 nhưng bà Đ và ông P đều từ chối làm đơn yêu cầu giám định chữ ký và không nộp tạm ứng chi phí giám định cho tòa. Do đó, bà Đ và ông P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*.". Do đó, bà Đ và ông P vay tiền của anh T là có thật. Bà Đ và ông P vay tiền của anh T nhưng không trả tiền nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ pháp luật nên Tòa chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Anh T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,75%/tháng kể từ ngày bà Đ và ông P vay tiền cho đến ngày Tòa đưa vụ án ra xét xử. Xét yêu cầu của anh T là có cơ sở vì bà Đ và ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên bà Đ và ông P phải trả tiền lãi đối với khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Ngày 07/12/2015 đến ngày tòa xét xử tính tròn là 18 tháng. Do đó số tiền lãi mà bà Đ và ông P phải trả là: 5.000.000 đồng x 18 tháng x 0,75%/tháng = 675.000 đồng.

Ngày 14/12/2015 đến ngày tòa xét xử tính tròn là 17,5 tháng. Do đó số tiền lãi mà bà Đ và ông P phải trả là: 50.000.000 đồng x 17,5 tháng x 0,75%/tháng = 6.562.500 đồng.

Tổng số tiền vốn và lãi mà bà Đ và ông P phải trả cho anh Thái là: 62.237.500 đồng.

Về thời gian trả: Bà Đ xin trả dần số tiền trên, bà xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Việc bà Đ xin trả dần số tiền trên không được phía anh T đồng ý. Anh T yêu cầu bà Đ và ông P trả cho anh số tiền vốn và lãi làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh T được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh T không phải chịu án phí sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Đ và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc T.**

Buộc bà Triệu Thị Đ và ông Võ Hoàng P có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Quốc T số tiền vốn và tiền lãi là 62.237.500 đồng (Sáu mươi hai triệu hai hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đ và ông P không thi hành thì bà Đ và ông P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**2. Về án phí**: Hoàn lại cho anh Nguyễn Quốc T số tiền 1.375.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 34845 ngày 17/01/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bà Triệu Thị Đ và ông Võ Hoàng P phải chịu 3.112.000 đồng (ba triệu một trăm mười hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Đ và ông P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** *Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**MAI THỊ MỸ TRANG**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.

**Võ Thị Kim Loan**